

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CAO SU ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 149^B /TCKT – CSĐP

V/v Giải trình số liệu chênh lệch sau kiểm toán

Bình Phước, ngày 25 tháng 3 năm 2013

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

ĐẾN

Số: 10.778

Giờ: Ngày tháng 4 năm 13

Công ty đại chúng : Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú
Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú
Trụ sở chính : Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Mã chứng khoán : DPR

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú xin giải trình số liệu về việc chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, cụ thể như sau:

TT	Chi tiêu	Số trước kiểm toán	Số sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	571.368.478.427	584.800.682.764	13.432.204.337
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	523.396.404.272	536.186.283.507	12.789.879.235

Chi tiết giải trình chênh lệch xem Phụ lục kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, VT.



Nguyễn Thanh Hải

PHỤ LỤC

Kèm theo Công văn số: /TCKT - CSĐP ngày 25 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.373.640.222.484	1.373.640.222.484	0	
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.692.149.307	7.692.149.307	0	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.365.948.073.177	1.365.948.073.177	0	
Giá vốn hàng bán	822.605.092.184	810.660.251.729	-11.944.840.455	(1)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	543.342.980.993	555.287.821.448	-11.944.840.455	(2)
Doanh thu hoạt động tài chính	88.882.494.905	88.882.494.905	0	
Chi phí tài chính	2.961.802.510	3.105.818.021	144.015.511	(3)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2.916.165.720</i>	<i>3.105.818.021</i>	<i>189.652.301</i>	
Chi phí bán hàng	13.575.873.946	13.063.665.631	-512.208.315	(4)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.681.971.489	50.393.552.348	-1.288.419.141	(5)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	564.005.827.953	577.607.280.353	13.601.452.400	
Thu nhập khác	9.774.054.034	9.763.156.684	-10.897.350	(6)
Chi phí khác	2.411.403.560	2.569.754.273	158.350.713	(7)
Lợi nhuận khác	7.362.650.474	7.193.402.411	-169.248.063	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	571.368.478.427	584.800.682.764	13.432.204.337	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.972.074.155	48.621.193.005	649.118.850	(8)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(6.793.748)	-6.793.748	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	523.396.404.272	536.186.283.507	12.789.879.235	

Ghi chú:

(1) Chênh lệch Giá vốn hàng bán giảm: 11.944.840.455 đồng là do:

+ Quý lương tạm tính theo doanh thu 360đ/1000 doanh thu. Nhưng sau khi kiểm toán quý I riêng theo doanh thu giảm xuống 345 đ/1000 doanh thu theo quyết định số 06/QĐ - HĐQT ngày 31/01/2013

(2) Chênh lệch Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 11.944.840.455 đồng là do:

+ Quý lương tạm tính theo doanh thu 360đ/1000 doanh thu. Nhưng sau khi kiểm toán quý lương theo doanh thu giảm xuống 345 đ/1000 doanh thu theo quyết định số 06/QĐ - HĐQT ngày 31/01/2013.

(3) Chi phí tài chính chênh lệch tăng 144.015.511 đồng là do:

+ Hạch toán tăng chi phí lãi vay: 144.015.511 đồng.

(4) Chi phí bán hàng giảm 512.208.315 đồng là do:

B-C-V-L
 AN
 SU
 PHU
 10-1-87

+ Hoạch toán giảm: 26.786.358 đồng. Do xác định lại đơn giá tiền lương.

+ Giảm chi phí quỹ bảo hiểm xuất khẩu: 228.474.012 đồng

+ Giảm chi phí phân bổ trả trước dài hạn: 256.947.945 đồng

(5) Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm : 1.288.419.141 đồng là do:

+ Hoạch toán giảm: 704.236.027 đồng. Do xác định lại đơn giá tiền lương.

+ Giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm chi phí bỏ trả trước dài hạn: 439.001.296 đồng;

+ Giảm chi phí quản lý doanh nghiệp do trích phí kiểm toán 160.000.000 đồng;

+ Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp: 14.818.182 đồng. Do tiền thuế GTGT của tài sản vượt quá 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ.

(6) Thu nhập khác giảm 10.897.350 đồng là do:

+ Hạch toán tăng thu tiền bán cây giống. 107.514.300 đồng.

+ Hạch toán giảm tiền thôi việc có quyết định năm 2012 nhưng chỉ năm 2013: 118.411.650 đồng.

(7) Chi phí khác tăng: 158.350.713 đồng là do:

+ Giảm hạch toán tăng chi phí Rừng khoanh nuôi: 67.442.970 đồng

+ Hạch toán tăng chi phí khác, tăng chi phí cây giống 107.514.300 đồng.

+ Hoạch toán giảm chi phí xuất vật tư: 16.606.557 đồng.

(8) Thuế thu nhập thay đổi tăng 649.118.850 đồng là do điều chỉnh thu nhập, chi phí.

